

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

2014

I.	<u>Thông tin chung</u>	3
II.	<u>Tình hình hoạt động năm 2014</u>	9
III.	<u>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</u>	15
IV.	<u>Đánh giá của Hội đồng quản trị</u>	19
V.	<u>Quản trị công ty</u>	21
VI.	<u>Báo cáo tài chính</u>	26

I. THÔNG TIN CHUNG

- 
- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**
 - Tên giao dịch : **SEAPRODEX DANANG**
 - Giấy ĐKKD : **0400100778**
 - Vốn điều lệ : **100.000.000.000 đ (Một trăm tỷ đồng).**
 - Địa chỉ : **01 Bùi Quốc Hưng, P.Thọ Quang, Q.Sơn Trà, TP Đà Nẵng**
 - Số điện thoại : **(84.511) 3823041/ 3824160**
 - Số fax : **(84.511) 3823769/ 3921958**
 - Email : **info@seadanang.com.vn**
 - Website : **www.seadanang.com.vn**
 - Mã cổ phiếu : **SPD**
 - Sàn giao dịch : **UPCoM**

1. Quá trình hình thành và phát triển

26/02/1983

Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thành lập.

31/3/1993

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính.

21/10/2005

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thực hiện cổ phần hoá theo chủ trương của nhà nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, theo quyết định số 1226/QĐ-BTS Bộ Thủy Sản.

09/12/2006

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung.

01/01/2007

Công ty Cổ Phần XNK Thủy Sản Miền Trung chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ 55 tỷ đồng.



Năm 2008

- 22/09/2008, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung, số 335/UBCK-GCN.
- 04/11/2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên mức 75,6 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Năm 2010

- 16/03/2010, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Seaprodex Danang (mã SPD) trên sàn UpCom;
- Ngày 22/04/2010, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom.

Năm 2012

- 24/03/2012, Công ty đã kết thúc đợt tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- 11/04/2012, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Seaprodex Danang (mã SPD) trên sàn UpCom (Quyết định 101/QĐ-SGDHN);
- 03/05/2012, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom sau khi bổ sung cổ phiếu giao dịch.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

**** Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh (Tôm, mực, cá)
- Kinh doanh vật tư nhập khẩu (Hạt nhựa, giấy, sắt thép, hóa chất...)
- Sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản; gia công thức ăn gia súc, gia cầm.
- Dịch vụ cho thuê kho lạnh.

**** Địa bàn kinh doanh:**

- Thành phố Đà Nẵng (hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản)
- Thành phố Hồ Chí Minh (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu)
- Thành phố Hải Phòng (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu)
- Tỉnh Quảng Nam (hoạt động sản xuất chế biến thức ăn nuôi thủy sản).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

- Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

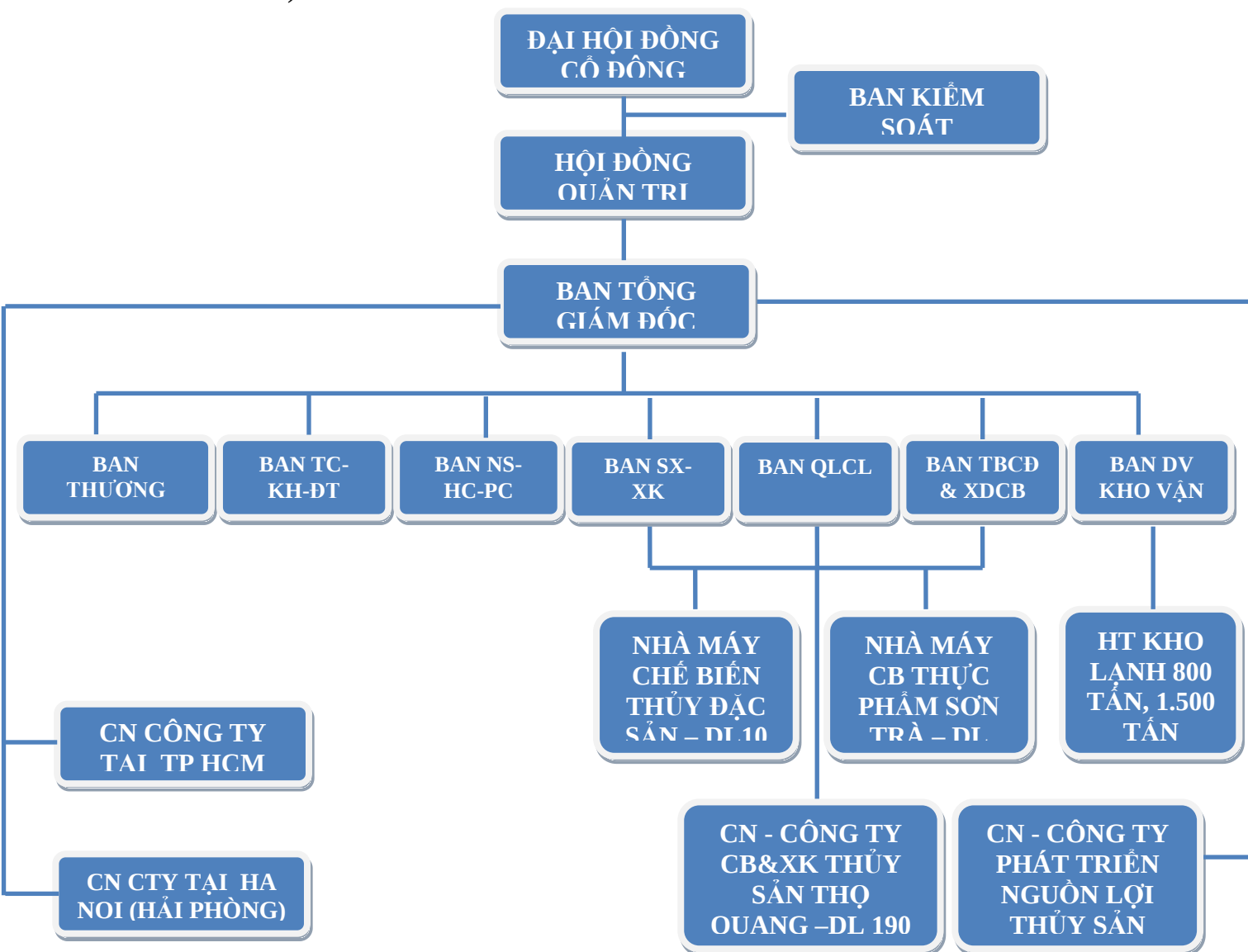
– Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

– Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó Tổng Giám đốc (Các Khối có các Ban chức năng) như sau :

+ Khối sản xuất - xuất khẩu: Gồm Ban Sản xuất –xuất khẩu; Ban Quản lý chất lượng, Ban Thiết bị-Cơ điện, Ban Dịch vụ Kho vận, Chi nhánh Cty- Công ty Chế biến và XK Thủy Sản Thọ Quang, Chi nhánh- Công ty Phát triển Nguồn Lợi Thủy Sản.

+ Khối nghiệp vụ tổng hợp: Gồm Ban Tài chính-Kế hoạch-Đầu tư, Ban Nhân sự-Hành chính-Pháp chế.

+ Khối Thương mại Nhập khẩu: Gồm Ban Thương Mại XNK, Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh; Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (nay đã chuyển về Hải Phòng từ 01/01/2015).



c. Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị liên kết đến 31/12/2014				Vốn góp của Công ty đến 31/12/2014		
Danh sách công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đ)	Số vốn góp (đ)	Tỷ lệ vốn góp của công ty/ VDL của đơn vị góp vốn (%)	Số cổ phần sở hữu (CP)
Cty CP Thủy sản 584 Nha Trang	584 Lê Hồng Phong- Tp Nha Trang	Sản xuất kinh doanh nước mắm	19.326.250.000	2.859.870.000	22,35%	432.012
TỔNG				2.859.870.000		

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Công ty xác định trọng tâm hoạt động của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản, nhưng vẫn phát huy thế mạnh truyền thống trên cả lĩnh vực “sản xuất - thương mại - dịch vụ”, sẽ chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần thương mại và đầu tư cho sản xuất, tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại ở từng lĩnh vực kinh doanh nhằm khai thác có hiệu quả tài sản của Công ty, bảo toàn vốn và thực hiện mạnh mẽ mục tiêu tăng hiệu quả kinh doanh.

b. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

-Công ty quan tâm đến việc phấn đấu đạt các chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường.

-Từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động, tạo nên các giá trị cốt lõi :

+**Đầu tư vào con người** là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;

+ Lấy **chữ tín** đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;

+ Lấy các giá trị "**đoàn kết - trung thành - năng động - chuyên nghiệp**" làm nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

+ **Hợp tác cùng phát triển** là môi trường và sức mạnh để tồn tại, cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.

5. Các rủi ro:

Rủi ro kinh tế

Năm 2014, nền kinh tế trong và ngoài nước đều gặp rất nhiều biến động và khó khăn. Là một bộ phận của nền kinh tế, SeaproDEX Danang không là ngoại lệ. Công ty đã chịu tác động trực tiếp từ biến động mạnh của giá nguyên liệu, giá dầu thế giới liên tục giảm, lực cầu ở các thị trường trong và ngoài giảm.

Rủi ro luật pháp

Seaprodex Danang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh Nghiệp Việt Nam. Cùng với các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty, tất yếu công ty sẽ bị quản lý trực tiếp của các văn bản luật trong hoạt động xuất nhập khẩu.

Seaprodex Danang hiện nay là công ty đại chúng và đã giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, do vậy công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các văn bản pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi các luật này sẽ có ảnh hưởng đến công ty.

Rủi ro đặc thù

- Rủi ro về nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước, chất lượng nguyên liệu, cạnh tranh từ thương lái Trung Quốc ...

- Rủi ro về thị trường xuất khẩu: Đây là những thị trường có nhiều biến động và khó lường. Những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phí thuế quan như chống bán phá giá, chống trợ cấp... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro tỷ giá hối đoái: Hoạt động của công ty liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, chính sách tiền tệ của nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty .

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế Hoạch 2014	TH 2014	% TH/KH 2014	%TH 2014/2013
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.400,00	1.503,58	107,40	92,55
2- Kim ngạch XNK	Triệu USD	57,50	65,82	114,47	98,96
<i>Xuất khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>30,00</i>	<i>36,380</i>	<i>121,27</i>	<i>118,12</i>
<i>Nhập Khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>27,50</i>	<i>29,44</i>	<i>107,06</i>	<i>82,44</i>
3- SX, gia công, KD thức ăn nuôi TS-GC					
Doanh thu	Tỷ đồng	21,38	27,798	130,05	97,49
Sản lượng SX :	Tấn	7.585	18.406,200	242,67	91,39
<i>Trong đó, SL SX thức ăn TS</i>	<i>Tấn</i>	<i>1.585</i>	<i>1.414,100</i>	<i>89,22</i>	<i>98,14</i>
4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	11,82	17,02	144,02	123,32
5- Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	12,045	12,05	100,00	89,47
6- Lợi nhuận	Tỷ đồng	7,35	8,077	109,89	522,31

Nhìn chung, với kết quả đạt được như trên, có thể đánh giá năm 2014 là một năm khá tốt của Seaprodex Danang. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 65,82 triệu USD vượt 14,47% kế hoạch, trong đó, đây là năm đầu tiên Công ty vượt ngưỡng xuất khẩu 36 triệu USD. Tổng doanh thu đạt 1.503,58 tỷ đồng vượt 7,4% kế hoạch. Lợi nhuận đạt 8,077 tỷ đồng, tăng 9,89% so với kế hoạch và tăng 522,31% so với năm 2013.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

HỌ VÀ TÊN	NGÀY THÁNG NĂM SINH	NAM/ NỮ	QUÊ QUÁN	LOẠI CỔ ĐÔNG	QUAN HỆ VỚI CĐNB	ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	CHỨC VỤ HIỆN NAY	SỐ CHỨNG KHOÁN NĂM GIỮ
Lê Hồng Sơn	18/09/1958	Nam	Thăng Bình, Quảng Nam	Nội bộ		76 Hải Phòng -Đà Nẵng	Cử nhân Kế toán	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội (nay là Hải Phòng)	76.476
Thái Bá Nam	22/12/1965	Nam	Điện Bàn, Quảng Nam	Nội bộ		Lô 29 B2, đường 2/9 -Đà Nẵng	Cử nhân Tài chính kế toán.	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc chi nhánh tại HCM.	40.000

Trần Như Thiên My	11/06/1969	Nữ	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Nội bộ		K31/11 Lê Hồng Phong- Đà Nẵng	Cử nhân Tài chính- kế toán; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Phó Tổng Giám đốc.	25.000
Nguyễn Anh Tuấn	31/12/1970	Nam	Quế Sơn, Quảng Nam	Nội bộ		H30/6 Phan Tứ, P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế ngành thống kê	Phó Tổng Giám đốc	33.690
Nguyễn Minh Chánh	11/09/1960	Nam	Đại Lộc, Quảng Nam	Nội bộ		50 Lê Lai- Đà Nẵng	Cử nhân kinh tế	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh- Cty Chế biến & XK Thủy Sản Thọ Quang	22.000
Trần Nguyễn Thái	23/9/1968	Nam	Hải Châu – Đà Nẵng	Nội bộ		83 Nguyễn Sơn - –Đà Nẵng	Kỹ sư nuôi trồng thủy sản	Giám đốc chi nhánh– Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	1.400
Lê Thanh Phương	20/10/1977	Nam	Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam	Nội bộ		11Bình Hòa 7, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Cử nhân kế toán kiểm toán	Kế toán trưởng	6.000

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ông LÊ HỒNG SƠN – Chủ tịch Hội đồng quản trị, thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung từ ngày 01/01/2014.

+ Bổ nhiệm Ông THÁI BÁ NAM – hiện đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty – vào vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung từ ngày 01/01/2014.

+ Bổ nhiệm Ông NGUYỄN MINH CHÁNH - hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung - Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang - vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung từ ngày 01/01/2014.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

-Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty :

TT	Phân chia theo các tiêu thức	Số lao động có mặt tại 31/12/2014
A	Theo giới tính	1.061
	Nữ	605
	Nam	456
B	Theo loại hình hợp đồng lao động	1.061
	HĐLĐ không xác định thời hạn	550
	HĐLĐ xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm	449
	HĐLĐ xác định thời hạn dưới 1 năm và lao động học việc	62
C	Theo trình độ học vấn	1.061
	Trên đại học	4
	Đại học	86
	Cao đẳng	84
	Trung học chuyên nghiệp	119
	Công nhân kỹ thuật, trong đó :	768
	<i>Bậc 1</i>	<i>221</i>
	<i>Bậc 2</i>	<i>151</i>
	<i>Bậc 3</i>	<i>107</i>
	<i>Bậc 4</i>	<i>150</i>
	<i>Bậc 5</i>	<i>74</i>
	<i>Bậc 6</i>	<i>65</i>

-Về chính sách cho người lao động :

Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật như BHXH, BHYT, BHTN, nâng bậc nghề, các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, thực hiện các suất ăn tăng giờ, tăng ca,.... Cụ thể:

- Đảm bảo 100% CB CNV của Công ty vào làm việc từ 3 tháng trở lên được ký kết hợp đồng lao động tham gia BHXH, BHYT, BHTN;
- Công ty đã mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV;
- Mọi quyền lợi của người lao động đều được thực hiện theo đúng Hợp đồng lao động đã ký kết;
- Nâng lương, thi nâng bậc nghề cho người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật;
- Không bố trí lao động nữ làm việc ở khu vực độc hại nguy hiểm;
- Trang bị đầy đủ BHLĐ theo qui định của ngành, đảm bảo ATVSLĐ lao động;
- Thực hiện đúng chế độ Thai sản, nuôi con nhỏ, nghỉ việc riêng ...;
- Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao tay nghề, thi bậc nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.

Công ty áp dụng các hình thức trả lương sau:

- Lương theo chức danh công việc
- Lương khoán
- Lương sản phẩm

Thu nhập :

- Thu nhập thực tế bình quân năm 2014 của toàn Công ty là: **5.516.000** đồng/người/ tháng, tăng thêm 11% so với năm 2013;

- Việc làm ổn định;

- Chi cho người lao động vào các ngày lễ lớn trong năm như 30/4, 1/5, 2/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán; và thực hiện khen thưởng thi đua cho năm 2014 với nhiều hình thức: thưởng năng suất, thưởng chuyên cần, cá nhân lao động giỏi, tập thể lao động giỏi, thưởng điểm BSC, tổ chức sinh hoạt liên hoan cuối năm.

-Lương phép năm 2014 của CBCNV trong toàn Công ty đã được thanh toán đầy đủ theo quy định. CBCNV được nghỉ hưởng nguyên lương vào các ngày Lễ, Tết, nghỉ việc riêng có lương theo đúng quy định của Bộ luật Lao động. Khi huy động người lao động làm việc tăng ca, tăng giờ, Công ty đã thực hiện thanh toán tiền lương, tiền công theo đúng qui định.

Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Hiện nay công ty chỉ làm ca 1 không tổ chức làm ca 2,3.

- Trong giai đoạn vào mùa vụ, Công ty vẫn huy động làm thêm giờ nhưng không quá 04 giờ/ngày và không quá 3 ngày/tuần (đã được người sử dụng lao động trao đổi, thỏa thuận với BCH Công đoàn).

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được duy trì và quan tâm, Công ty đã trang bị trang phục, bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề, đảm bảo chất lượng, khám sức khỏe 2 lần/ năm cho người lao động.

Phúc lợi :

- Công ty áp dụng các chế độ chi thăm hỏi và hiếu hỉ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân ở xa, tiền ăn ca trong năm 2014 đã tăng 20% /xuất ăn .

- Tặng quà cho các cháu con CBCNV nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt, thi đấu đại học..v.v.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện đầu tư :

- Mở rộng tủ đông gió tại xưởng 2 (code DL 10) và Cải tại cối đá vảy 20 tấn tại xưởng 1 (code DL 190) : Tổng mức đầu tư được duyệt là 1.210.176.000 đ (trước VAT), thực hiện 1.145.000.000 đ (trước VAT), tiết kiệm : 65.176.000 đồng. (Hoàn thành tháng 5/2014)

-Lắp đặt cối đá vảy 15 tấn và hệ thống điều hòa trung tâm tại xưởng 1 (Code DL 190) : Tổng mức đầu tư được duyệt là 1.638.956.000 đ (trước VAT), thực hiện 1.234.133.379

đ (trước VAT), tiết kiệm : 404.822.621 đồng. (Có hạng mục hoàn thành tháng 12/2014 và tháng 1/2015)

-Ngoài ra công ty đã tiến hành sửa chữa điều kiện sản xuất của xưởng 1 (code DL 190) trong quý 4/2014, tổng mức đầu tư được duyệt là 4.117.841.114 đồng, thực hiện 3 tỷ đồng (hoàn thành sửa chữa tháng 1/2015 và hoàn công, quyết toán trong Quý 1/2015).

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có 01 công ty liên kết (vốn đầu tư 22,35%) : Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang. Đây là đơn vị chuyên sản xuất, kinh doanh nước mắm theo công nghệ truyền thống. Năm 2014 đơn vị này có kết quả SXKD tốt, lợi nhuận tăng 6,5% so với năm 2013. Mặc dù qui mô nhỏ nhưng hoạt động ổn định và có hướng mở rộng.

4. Tình hình tài chính

a) Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	449.571.080.528	460.901.139.937	(2,46)
Doanh thu thuần	1.491.469.358.302	1.607.750.344.748	(7,23)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.489.473.735	695.380.149	977,03
Lợi nhuận khác	588.382.057	851.190.578	(30,88)
Lợi nhuận trước thuế	8.077.855.792	1.546.570.727	422,31
Lợi nhuận sau thuế	6.493.754.510	1.359.420.378	377,69
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến	5%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2013	2014 so với 2013 (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,19	1,13	104,91
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,60	0,68	88,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,72	0,75	97,29
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,64	2,92	90,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,32	3,49	95,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,004	0,001	514,93

+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,053	0,012	453,76
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,014	0,003	489,72
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,005	0,000	1.161,00

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

-Tổng số cổ phần đang lưu hành : 10.000.000 cổ phần – đang chuyển nhượng tự do.

-Loại cổ phần đang lưu hành : Phổ thông.

-Thị trường giao dịch : UPCoM.

-Mã chứng khoán : SPD

b) **Cơ cấu cổ đông:** (Theo danh sách chốt 07/03/2014 để đại hội cổ đông thường niên 2014, số liệu chốt 2015 chưa có trong thời hạn phải báo cáo)

Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Phân theo CD nhà nước và khác	10.000.000,00	100,00
<i>Cổ đông nhà nước</i>	5.467.538,00	54,68
<i>Cổ đông khác</i>	4.532.462,00	45,32
Phân theo CD tổ chức và cá nhân	10.000.000,00	100,00
<i>Tổ chức</i>	6.112.747,00	61,13
<i>Cá nhân</i>	3.887.253,00	38,87
Phân theo CD trong nước và nước ngoài	10.000.000,00	100,00
<i>Trong nước</i>	9.979.500,00	99,80
<i>Nước ngoài</i>	20.500,00	0,20
	10.000.000,00	

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Là năm đầu tiên Công ty vượt ngưỡng xuất khẩu 36 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu này đã cao hơn kim ngạch nhập khẩu thực hiện được trong năm 2014 gần 7 triệu USD – thể hiện đúng định hướng kinh doanh và các quyết định đầu tư của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, tỷ giá hối đoái khá ổn định (tỷ giá USD/VND liên ngân hàng điều chỉnh 1 lần với tỷ lệ 1%) và lãi suất vay giảm dần về cuối năm cũng là những tác động thuận lợi cho Công ty.

- Nguyên liệu mua vào tăng hơn 28% so với năm 2013 (chủ yếu là tôm). Cơ cấu thị trường của hoạt động sản xuất – xuất khẩu đã ở trạng thái cân bằng hơn so với trước đây tập trung lớn vào thị trường Nhật (khoảng 70%). Hoạt động dịch vụ cho thuê kho lạnh hiệu quả tốt; hoạt động kinh doanh thương mại vật tư nhập khẩu có hiệu quả nhưng không đều giữa các đơn vị kinh doanh; hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản và gia công thức ăn gia súc-gia cầm đạt hiệu quả rõ rệt sau sự điều chỉnh nhân sự chủ chốt tại đơn vị, chứng tỏ vai trò quan trọng của yếu tố quản lý trong kết quả kinh doanh, nhưng không mang ý nghĩa vực dậy một hoạt động đã giảm sút từ nhiều năm trước, nên qui mô hoạt động của lĩnh vực này đã nhỏ đi rất nhiều, buộc phải có sự sắp xếp lại nhân sự và vấn đề này đã được giải quyết xong trong năm 2014.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2014	31/12/2013	Tăng giảm (%)
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
<i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>				
- Tài sản cố định / Tổng số tài sản	%	12,15	13,98	(13,06)
- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	86,02	84,28	2,07
<i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>				
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	72,49	74,51	(2,71)
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	27,51	25,49	7,93

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả	31/12/2014	31/12/2013	Tăng giảm 2014/2013 (%)
TỔNG CỘNG	325.897.937.261	343.421.751.180	(5,10)
I. Nợ ngắn hạn	325.857.028.170	343.380.842.089	(5,10)
1. Vay và nợ ngắn hạn	282.163.072.007	290.073.605.619	(2,73)
2. Phải trả người bán	12.134.972.932	24.132.396.040	(49,72)
3. Người mua trả tiền trước	1.133.321.380	4.273.983.523	(73,48)
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.077.603.464	1.282.822.243	61,96

5. Phải trả người lao động	23.986.744.687	18.990.243.670	26,31
6. Chi phí phải trả	277.004.514	449.655.993	(38,40)
7. Phải trả nội bộ		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ XD	-	-	
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.042.812.859	3.965.699.174	1,94
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.496.327	212.435.827	(80,47)
II. Nợ dài hạn	40.909.091	40.909.091	-
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	
3. Phải trả dài hạn khác	-	-	
4. Vay và nợ dài hạn	-	-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	40.909.091	40.909.091	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	

– **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ**

Các khoản nợ	31/12/2014	31/12/2013	Tăng, giảm 2014/ 2013 (%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	170.613.938.703	211.135.789.766	(19,19)
1. Phải thu khách hàng	185.697.605.968	225.131.036.344	(17,52)
2. Trả trước cho người bán	4.111.789.550	3.658.671.078	12,38
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-	
5. Các khoản phải thu khác	1.331.680.583	1.638.520.012	(18,73)
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *	(20.527.137.398)	(19.292.437.668)	6,40
Nợ phải trả	325.897.937.261	343.421.751.180	(5,10)
1. Nợ ngắn hạn	325.857.028.170	343.380.842.089	(5,10)
2. Nợ dài hạn	40.909.091	40.909.091	-

Các giải pháp chính cho hoạt động năm 2015

-Sản xuất- xuất khẩu thủy sản : đây là lĩnh vực này tập trung nhiều lao động nhất và có sự đầu tư tài sản lớn nhất của Công ty, mang tính định hướng của HĐQT nên luôn luôn ở trạng thái phải hoàn thiện, bao gồm rất nhiều yếu tố.

Trong phạm vi mục tiêu thực hiện kế hoạch sản xuất- xuất khẩu 2015 và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, các giải pháp ngắn hạn sẽ tập trung :

- + Tìm kiếm các cơ hội khách hàng và mặt hàng mới chế biến sâu hơn để khai thác công suất, điều kiện mới của nhà xưởng;

- + Tìm cơ hội tham gia hiệu quả vào đợt xem xét hành chính POR10 của bộ Thương Mại Mỹ trong vụ kiện chống bán phá giá tôm;

- +Tiếp tục linh hoạt trong khai thác các nguồn thu mua nguyên liệu;

- +Duy trì các chứng nhận đã có (BRC, ISO, BAP) và đảm bảo các chương trình được thực hiện trong thực tế, đảm bảo các giải pháp đồng bộ hơn;

- +Chú trọng tổ chức, quản lý sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng;

- Tiếp tục sử dụng giá linh hoạt và phát huy sự quan tâm chăm sóc khách hàng tốt trong hoạt động dịch vụ cho thuê kho lạnh;

- Duy trì sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản ở đơn vị Phát Triển Nguồn Lợi Thủy Sản; tìm kiếm các cơ hội mới.

- Hết sức thận trọng trong kinh doanh vật tư nhập khẩu khi tình hình thị trường vẫn còn diễn biến khó đoán định. Tập trung giải quyết tồn kho và chú trọng công tác thu hồi công nợ.

- Giữ sự phối hợp thường xuyên giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, xây dựng môi trường làm việc ngày càng tốt hơn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2014:*

Năm 2014, Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Miền Trung đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại Hội đồng cổ đông Công ty giao trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam khá ổn định.

Với Công ty, có những thành tích mới được xác lập, nhưng đan xen vẫn có nhiều biến cố đến từ khách quan, đặt Công ty vào những khó khăn riêng; một số tồn tại chủ quan từ tồn kho và công nợ vẫn còn nhiều. Tuy nhiên, Công ty đã rất cố gắng, có những giải pháp đúng đắn và sự chỉ đạo quyết liệt từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành, sự đoàn kết và quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách của tập thể CBCNV Công ty, nhiều chỉ tiêu quan trọng đã vượt kế hoạch được Đại hội cổ đông giao, việc làm và đời sống người lao động được đảm bảo.

2. *Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành công ty năm 2014:*

-Trong năm tài chính 2014, Ban điều hành có 04 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc (Trong đó, Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm từ 01/01/2014).

-Các thành viên trong Ban điều hành đều có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, được đào tạo bài bản, am hiểu về lĩnh vực được giao và có nhiều năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý.

-Tổng Giám đốc có sự phân công công việc rõ ràng cho mỗi Phó Tổng Giám đốc, Ban điều hành thường xuyên trao đổi công việc với nhau và tổ chức giao ban hàng tháng với các vị trí quản lý khác trong Công ty để đánh giá công việc, triển khai công việc mới.

-Tổng giám đốc đã triển khai kế hoạch năm 2014 được đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật .

-Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những khó khăn, thuận lợi của Công ty, linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ý thức hoàn thiện công tác quản lý và quản trị Công ty thông qua việc ban hành những qui định quản lý nội bộ, nâng cao tính kỷ luật trong Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro ở nhiều mặt hoạt động.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Chỉ tiêu thực hiện năm 2015 của SeaproDEX Danang

Lĩnh vực hoạt động	ĐVT	Thực hiện 2014	Kế hoạch năm 2015
Kim ngạch XNK	Triệu USD	65,82	50,70
-Xuất khẩu	Triệu USD	36,38	32,00
- Nhập khẩu	Triệu USD	29,44	18,70
Doanh thu	Tỷ đồng	1.503,58	1.200,00
Khấu hao	Tỷ đồng	12,045	10,77
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,07	8,00
Cổ tức	%	5%	5%

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách HĐQT	Ghi chú	Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Số cổ phần đại diện tổ chức	Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân	Số CP thuộc sở hữu của những NCLQ	Cộng	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ (%)	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
Lê Hồng Sơn	TV HĐQT có kiêm nhiệm	2.467.538		76.476	126.000	2.670.014	26,70	1
Thái Bá Nam	TV HĐQT có kiêm nhiệm	1.500.000		40.000	110.000	1.650.000	16,50	
Lê Công Đức	TV HĐQT không điều hành	1.400.000				0	14,00	2
Lý Tiết Dũng	TV HĐQT không điều hành	-		993.434		993.434	9,93	
Huỳnh Tô Hà	TV HĐQT độc lập		276.593			276.593	2,77	
CỘNG		5.367.538	276.593	1.149.414	236.000	7.029.545	70,30	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lần tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Hồng Sơn	Chủ tịch	13/13	100%	
2	Ông Lý Tiết Dũng	Phó CT	13/13	100%	
3	Ông Thái Bá Nam	Thành viên	13/13	100%	
4	Ông Lê Công Đức	Thành viên	13/13	100%	
5	Ông Huỳnh Tô Hà	Thành viên	13/13	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2014:

STT	NGÀY	Phương thức	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT		
				SỐ	NGÀY	NỘI DUNG
1	20/01/2014	Trực tiếp	Tình hình hoạt động của Cty và kế hoạch 2014 Phương án vay vốn tại VCB	01/2014/NQ-HĐQT	20/01/2014	Thông qua vay vốn tại VCB; Dùng tài sản để thế chấp tại VCB; UQ cho TGD thực hiện việc ký kết các HĐ
2	25/02/2014	Lấy ý kiến	Tăng vốn điều lệ tại Đông lạnh Quy Nhơn	02/2014/NQ-HĐQT	25/02/2014	Tăng vốn điều lệ tại Cty CP Đông lạnh Quy Nhơn
3	18/02/2014	Lấy ý kiến	Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2014			

4	06/03/2014	Trực tiếp	Thông qua Báo cáo tài chính 2013, các tài liệu họp ĐHCĐTN 2014 Quy chế lao động tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng	03/2014/NQ-HĐQT	06/03/2014	Thông qua Báo cáo tài chính 2013; các báo cáo tại cuộc họp ĐHCĐTN 2014; các vấn đề biểu quyết tại ĐH; Giao BDH ban hành Quy chế lao động tiền lương, thi đua khen thưởng; Giao cho BDH nghiên cứu dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải.
5	31/03/2014	Lấy ý kiến	Xây dựng hạn mức 260 tỷ tại VBA năm 2014	03b/2014/NQ-HĐQT	31/03/2014	Thông nhất về việc vay vốn và thế chấp tại VBA DN với hạn mức 260 tỷ.
6	09/05/2014	Trực tiếp	-Báo cáo kết quả quý 1/2014 -Sắp xếp các Ban nghiệp vụ tại Công ty (Ban TC-KH-ĐT); -Bổ nhiệm thư ký Công ty từ 01/5/2014; -Thù lao HĐQT 2014	04/2014/NQ-HĐQT	09/05/2014	-Thông qua kết quả quý 1/2014 của Cty; chỉ đạo công tác giải quyết hàng tồn kho, công nợ của CN Hà Nội. -Thông nhất sắp xếp cán Ban nghiệp vụ tại Công ty. Giao TGD triển khai, soạn qui chế hoạt động của Ban TC-KH-ĐT. -Bổ nhiệm thư ký mới từ 01/5/2014;
7	24/05/2014	Lấy ý kiến	Lấy ý kiến về vị trí Giám đốc CN Hà Nội từ sau 30/6/2014	05/2014/NQ-HĐQT	24/05/2014	Giao Chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm Giám đốc CN Hà Nội từ sau 30/6/2014-31/12/2014 để giải quyết các tồn đọng của CNHN.
8	16/06/2014	Lấy ý kiến	Lấy ý kiến về vay vốn, thế chấp tại ICB - chi nhánh Ngũ Hành Sơn.	06/2014/NQ-HĐQT	16/06/2014	Thông nhất vay vốn , thế chấp với hạn mức 180 tỷ theo tờ trình TGD ngày 10/6/14. UQ TGD thực hiện.
9	23/07/2014	Trực tiếp	-Báo cáo kết quả quý 6 tháng 2014 -Chủ trương đầu tư hệ thống XLNT; -Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư nâng cấp MMTB đã hoàn thành (cối đá vẩy, mở rộng tủ đông gió - giá trị quyết toán 1,145 tỷ đồng); -Thông qua các dự thảo Quy chế quản lý tài chính; quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; quy chế đối thoại.	07/2014/NQ-HĐQT	23/07/2014	-Thông qua báo cáo 6 tháng 2014 của BDH; -Chỉ đạo của HĐQT về giải quyết công nợ, tồn kho của CNHN; -Thông qua chủ trương đầu tư hệ thống XLNT. -Phê duyệt dự án đầu tư hoàn thành (cải tạo, nâng cấp MMTB tại Cty, gồm tủ đông gió và cối đá vẩy) : 1,145 tỷ đồng chưa VAT. -Thông qua dự thảo các qui chế : QC quản lý tài chính; QC dân chủ cơ sở (hiệu lực 01/02/14); QC đối thoại (hiệu lực 01/02/14); -Thông qua chủ trương tham gia POR9 nếu bị chọn làm bị đơn bắt buộc.

10	20/08/2014	Lấy ý kiến	Lấy ý kiến về : 1/Than gia đợt phát hành tăng vốn ĐL của 584 NT 2/ Chuyển 2 trạm biến thế 1.000 KVA tại 31 BQH và 500 KVA tại 31 NHS do Công ty đầu tư trước đây cho Cty Điện Lực ĐN quản lý 3/ Vay vốn tại SCB ĐN 4/ Quy chế hội nghị NLĐ.	08/2014/NQ-HĐQT	20/08/2014	1/Thông nhất tham gia đợt phát hành tăng vốn ĐL của 584 NT, tỷ lệ 3:1, giá 10.000 đ. 2/ Thông nhất Chuyển 2 trạm biến thế 1.000 KVA tại 31 BQH và 500 KVA tại 31 NHS do Công ty đầu tư trước đây cho Cty Điện Lực ĐN quản lý, không cần thu hồi lại vốn. Giao TGD thực hiện các thủ tục. 3/Thông nhất Vay vốn, thế chấp tại SCB - chi nhánh ĐN (hạn mức 100 tỷ); 4/ Thông qua quy chế hội nghị người LĐ.
11	29/09/2014	Lấy ý kiến	1/Xem xét Tờ trình số 10/TT-CT ngày 20/09/2014 về Báo cáo đầu tư mua sắm mới cối đá vẩy 15 tấn/24h và Hệ thống điều hòa trung tâm cho xưởng 1 (code DL 190) của Công ty. 2/ Xem xét Tờ trình số 11/TT-CT ngày 10/09/2014 về Báo cáo KT-KT sửa chữa điều kiện sản xuất của xưởng 1 (code DL 190) của Công ty	Nghị quyết 09A/2014/NQ-HĐQT Nghị quyết 09B/2014/NQ-HĐQT	29/09/2014	1/ Thông qua Báo cáo đầu tư, tổng mức đầu tư mua sắm mới cối đá vẩy 15 tấn/24h và Hệ thống điều hòa trung tâm cho xưởng 1 (code DL 190) của Công ty CP XNK Thủy Sản MT 2/Thông qua KH lựa chọn nhà thầu dự án trên. 1/Thông qua báo cáo kinh tế-kỹ thuật, tổng mức đầu tư sửa chữa điều kiện SX X1 2/Thông qua KH lựa chọn nhà thầu của báo cáo kinh tế-kỹ thuật, tổng mức đầu tư sửa chữa điều kiện SX X1 (code DL 190).
12	03/11/2014	Trực tiếp	-Báo cáo hoạt động 9 tháng, kế hoạch quý 4/2014; 2/ Xem xét các tờ trình: -Tờ trình số 12/TT-CT ngày 20/10/2014 về sắp xếp CNHN (kèm quy chế); -Tờ trình số 14/TT-CT ngày 20/10/2014 về thông qua qui chế quản lý đầu tư; -Tờ trình số 15/TT-CT ngày 25/10/2014 về sắp xếp PTNL Thủy sản, -Tờ trình số 16/TT-CT ngày 26/10/14 về xử lý nợ khó đòi 2014 của PTNL Thủy sản; -Tờ trình số 17/TT-CT ngày 26/10/2014 về Báo cáo dự án tiền khả thi - DA XLNT. 3/Các vấn đề khác :văn	10A/2014/NQ-HĐQT 10B/2014/NQ-HĐQT 10C/2014/NQ-HĐQT 10D/2014/NQ-HĐQT 10E/2014/NQ-HĐQT	04/11/2014	10A : Thông qua kết quả hoạt động 9 tháng 2014 của Công ty; Chỉ đạo về công nợ, tồn kho; Thông qua Quy chế quản lý đầu tư của Công ty; Thông nhất chủ trương về giải quyết POR9, chuẩn bị POR10 – vụ kiện chống bán phá giá tôm vào Mỹ; thông qua báo cáo tiền khả thi dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000m3/24h; của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. 10B : Thông qua phương án sắp xếp chi nhánh và chuyển địa điểm chi nhánh từ Hà Nội về Hải Phòng; thông qua quy chế CNHP. 10C : Thông qua PA sắp xếp CN- Công ty PTNLTS 10D : Xử lý công nợ khó đòi

			bản gửi SeaVN về POR9; thể chấp của bộ phận XK-Ban TM XNK.			2014 của PTNLTS, theo dõi ngoại bảng 309.825.193 đ (10 đối tượng). 10E : thể chấp tài sản của các cá nhân bộ phận XK Ban TM XNK để ứng vốn KD
13	23/12/2014	Trực tiếp	-Báo cáo số liệu kinh doanh 11 tháng, các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch quý 4/2015; 2/ Xem xét Tờ trình số 18/TT-CT ngày 15/12/2014 về thực hiện nghị quyết của HĐQT, tồn kho và công nợ của chi nhánh HN; đề xuất của ban điều hành về vị trí Giám đốc chi nhánh Công ty tại Hải Phòng.	11A/2014/NQ-HĐQT 11B/2014/NQ-HĐQT	24/12/2014	11A : Giao chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm nhiệm GD chỉ nhánh Hải Phòng từ 01/01/2015 - 30/06/2015. 11B : Chủ trương và chỉ đạo của HĐQT: - Việc chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm nhiệm GD chỉ nhánh Hải Phòng từ 01/01/2015 - 30/06/2015 là để giải quyết các tồn tại của chi nhánh HN về tồn kho từ 2014 về trước, và công nợ trước khi chuyển giao cho Ban ĐH, không còn nợ quá hạn. -Báo cáo đánh giá và đề xuất KH thu nợ chi tiết, giải pháp thực hiện thu nợ tiếp theo đối với Cty Hòa Bình trình HĐQT Công ty xem xét.

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Ông Huỳnh Tô Hà là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành. Ông đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT Công ty theo triệu tập của Chủ tịch HĐQT. Tại các cuộc họp, Ông đều có ý kiến tham gia xây dựng Công ty, có chính kiến rõ ràng trong việc quản trị Công ty, ủng hộ những vấn đề cần thay đổi để cải thiện tốt hơn, và phản biện các vấn đề của các thành viên HĐQT điều hành Công ty.

d) Danh sách các TV Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian khóa học
1	Lê Hồng Sơn	Chủ tịch HĐQT	09/08/2013- 10/08/2013
2	Lý Tiết Dũng	Phó CT HĐQT	09/08/2013- 10/08/2013
3	Thái Bá Nam	Thành viên HĐQT	09/08/2013- 10/08/2013

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách Ban Kiểm soát	Ghi chú	Số CP đại diện vốn nhà nước	Số CP sở hữu cá nhân	Số CP sở hữu của NCLQ	Cộng	Tỷ lệ sở hữu/ vốn điều lệ
Trần Phước Thái	Trưởng Ban	100.000	0	0	100.000	1,00
Lê Nguyễn Đức Dũng	TV	0	0	0	0	0
Lê Văn Trường	TV	0	2.000	0	2.000	0,02
CỘNG		100.000	2.000	0	102.000	1,02

*** Ngày 29/03/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua đơn từ nhiệm của ông Huỳnh Huy Hòa – TV BKS và đã chấp thuận, bầu bổ sung thành viên mới thay thế là ông Lê Nguyễn Đức Dũng.*

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung nhiệm kỳ 2012-2017 gồm 03 thành viên nhằm thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty theo thẩm quyền. Hoạt động của Ban kiểm soát tiến hành một cách chủ động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2014, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và các thành viên đã tích cực chủ động phối hợp, trao đổi, tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị, nhằm hoàn thành các nhiệm vụ sau:

-Giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban điều hành Công ty (BDH).

-Theo dõi, kiểm tra các báo cáo tài chính quý I, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm của Công ty. Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính.

-Đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn đơn vị thực hiện báo cáo kiểm toán tài chính cho năm tài chính 2015.

-Xem xét cụ thể việc thực hiện đầu tư sửa chữa, mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất của HDQT và BDH Công ty trong năm 2014.

Tổng thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 phê duyệt (74.000.000 đồng/ năm).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

-Công ty áp dụng chế độ trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị;

-Công ty chỉ áp dụng trả lương cho Chủ tịch HDQT do thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị (Điều 25 khoản 9 Điều lệ Công ty);

-Tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác: Theo nghị quyết của phiên họp đại hội đồng cổ đông năm 2014 và trong thực tế Công ty không chi trả khoản thưởng, phúc lợi

nào cho Hội đồng quản trị trong năm 2014, ngoài các thành viên đang kiêm nhiệm điều hành, tham gia công tác quản lý Công ty với tư cách là cán bộ CNV thuộc Công ty.

3.1 Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty trong năm tài chính 2014 :

-Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2014 được đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 phê duyệt là : 420.000.000 đ/ năm. Hội đồng quản trị đã có quyết định 04/QĐ-HĐQT ngày 09/05/2014 phân bổ thù lao được duyệt như sau :

+Phân bổ cho Hội đồng quản trị và thực nhận trong năm 2014:

Hội đồng quản trị	Chức danh	Mức phân bổ/ quý (đ)	Cả năm 2014 (đ)		Thực nhận trong năm 2014
			Được ứng/quí (80%)	Còn lại cả năm (nhận nếu đạt kế hoạch lợi nhuận 2014)	
Ông : Lê Hồng Sơn	Chủ tịch	18.000.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000
Ông : Lý Tiết Dũng	Phó Chủ tịch	16.000.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
Ông : Thái Bá Nam	Thành viên	15.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Ông : Lê Công Đức	Thành viên	15.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Ông : Huỳnh Tô Hà	Thành viên	15.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
CỘNG NĂM 2014		316.000.000	252.800.000	63.200.000	252.800.000

+Phân bổ cho Ban kiểm soát, Thư ký Công ty và thực nhận trong năm 2014:

Ban kiểm soát, thư ký	Chức danh	Mức phân bổ/ quý (đ)	Thực nhận trong năm 2014	Ghi chú
Ông : Trần Phước Thái	Trưởng Ban KS	7.500.000	30.000.000	
Ông : Lê Văn Trường	TV BKS	5.500.000	22.000.000	
Ông : Huỳnh Huy Hòa	TV BKS	5.500.000	5.500.000	Thôi là TV BKS từ 01/4/2014
Ông : Lê Nguyễn Đức Dũng	TV BKS	5.500.000	16.500.000	Là TV BKS từ 01/4/2014
Ông : Huỳnh Huy Hòa	Thư ký Công ty	7.500.000	7.500.000	Thôi Thư ký từ 01/4/2014
Bà : Trần Như Thiên My	Thư ký Công ty	7.500.000	20.000.000	Là Thư ký từ 01/5/2014
CỘNG NĂM		104.000.000	101.500.000	

Trong đó:

-Thù lao năm 2014 chỉ chi trả ở mức 80% mức đại hội cổ đông đã duyệt; 20% còn lại sẽ chi trả trong năm 2015 (sau khi đã có kết quả kiểm toán, Công ty vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2014 Đại hội đồng cổ đông thường niên giao).

-Tiền thưởng HĐQT : không có.

3.2 Tiền lương của Ban điều hành :

Tiền lương của Ban điều hành được hội đồng quản trị Công ty phê duyệt cho năm 2014 tại nghị quyết số 12E/2013/NQHĐQT-SEADN ngày 20/12/2013, theo đó lương của các vị trí điều hành công ty được duyệt như sau :

TT	Chức danh	Mức lương hàng tháng năm 2014
1	Chủ tịch HĐQT	30.000.000 đ
2	Tổng Giám đốc	30.000.000 đ
3	Phó Tổng Giám đốc	22.000.000 đ

(Mức lương này không bao gồm thuế thu nhập cá nhân)

Phương thức trả lương:

- Tạm ứng hàng tháng: 80% mức lương được duyệt.
- Khi Công ty đạt 100% kế hoạch lợi nhuận năm 2014: được nhận đủ 100% mức được duyệt hàng tháng (*nhận 20% còn lại*).
- Mức lương Chủ tịch HĐQT do thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị (*Điều 25 khoản 9 Điều lệ Công ty*) : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

3.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm tài chính 2014 :

Không có.

3.4 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ trong năm tài chính 2014:

Công ty có thực hiện các hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Tân Vinh Thái – Tp HCM do ông Huỳnh Tô Hà – thành viên HĐQT độc lập - làm Giám đốc.

Doanh số thực hiện trong năm 2014 là : 106.864.940.014 đồng (doanh thu thuần) với 20 hợp đồng mua bán.

Tân Vinh Thái là khách hàng truyền thống của Công ty từ trước cổ phần hóa, có quan hệ mua bán thường xuyên và thanh toán uy tín. Mọi quan hệ giữa 2 Công ty là quan hệ hợp đồng và tuân thủ các quy định của hợp đồng, của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung cho năm tài chính 2014:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;*
- Phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”*

Trích Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của Công ty TNHH Kiểm toán Việt (VIETCPA).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		386.728.836.620,00	388.449.547.552,00
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.804.030.783,00	14.914.815.977,00
1. Tiền	111		10.804.030.783,00	14.914.815.977,00
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000,00	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.613.938.703,00	211.135.789.766,00
1. Phải thu khách hàng	131		185.697.605.968,00	225.131.036.344,00
2. Trả trước cho người bán	132		4.111.789.550,00	3.658.671.078,00
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.331.680.583,00	1.638.520.012,00
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(20.527.137.398,00)	(19.292.437.668,00)
IV. Hàng tồn kho	140		192.003.535.571,00	156.299.508.955,00
1. Hàng tồn kho	141		192.003.535.571,00	156.299.508.955,00
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			

V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.307.331.563,00	6.099.432.854,00
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		455.046.698,00	181.041.722,00
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.538.092.013,00	5.055.847.884,00
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39.722.762,00	306.477.805,00
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		274.470.090,00	556.065.443,00
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		62.842.243.908,00	72.451.592.385,00
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.639.411.038,00	64.428.846.865,00
1. Tài sản cố định hữu hình	221		45.584.025.854,00	55.800.748.569,00
- Nguyên giá	222		191.883.964.603,00	193.441.022.806,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.299.938.749,00)	(137.640.274.237,00)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.628.098.296,00	8.628.098.296,00
- Nguyên giá	228		10.829.997.367,00	10.829.997.367,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071,00)	(2.201.899.071,00)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		427.286.888,00	
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.940.069.261,00	7.823.659.261,00
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.859.870.000,00	2.859.870.000,00
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.080.199.261,00	4.963.789.261,00
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		262.763.609,00	199.086.259,00
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		262.763.609,00	199.086.259,00
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		449.571.080.528,00	460.901.139.937,00
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		325.897.937.261,00	343.421.751.180,00
I. Nợ ngắn hạn	310			

			325.857.028.170,00	343.380.842.089,00
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		282.163.072.007,00	290.073.605.619,00
2. Phải trả người bán	312		12.134.972.932,00	24.132.396.040,00
3. Người mua trả tiền trước	313		1.133.321.380,00	4.273.983.523,00
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.077.603.464,00	1.282.822.243,00
5. Phải trả người lao động	315		23.986.744.687,00	18.990.243.670,00
6. Chi phí phải trả	316		277.004.514,00	449.655.993,00
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.042.812.859,00	3.965.699.174,00
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		41.496.327,00	212.435.827,00
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	330		40.909.091,00	40.909.091,00
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		40.909.091,00	40.909.091,00
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		123.673.143.267,00	117.479.388.757,00
I. Vốn chủ sở hữu	410		123.673.143.267,00	117.479.388.757,00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000,00	100.000.000.000,00
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(51.650.000,00)	(51.650.000,00)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.129.668.130,00	8.129.668.130,00
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.933.877.905,00	2.865.906.886,00
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.661.247.232,00	6.535.463.741,00
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		449.571.080.528,00	460.901.139.937,00
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		19.944.574.105,00	19.634.749.912,00
5. Ngoại tệ các loại	05		54.420,86	39.621,68
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.505.501.965.206,00	1.612.994.751.571,00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		14.032.606.904,00	5.244.406.823,00
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.491.469.358.302,00	1.607.750.344.748,00
4. Giá vốn hàng bán	11		1.403.560.624.849,00	1.529.894.449.305,00
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		87.908.733.453,00	77.855.895.443,00
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.245.148.734,00	15.962.185.042,00
7. Chi phí tài chính	22		16.132.486.873,00	23.586.029.642,00
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.884.526.773,00	16.444.595.135,00
8. Chi phí bán hàng	24		34.789.929.035,00	30.716.082.194,00
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.741.992.544,00	38.820.588.500,00
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		7.489.473.735,00	695.380.149,00
11. Thu nhập khác	31		970.381.741,00	951.226.341,00
12. Chi phí khác	32		381.999.684,00	100.035.763,00
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		588.382.057,00	851.190.578,00
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		8.077.855.792,00	1.546.570.727,00
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.584.101.282,00	187.150.349,00
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.493.754.510,00	1.359.420.378,00
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		649,38	135,94

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.569.020.010.947,00	1.726.949.125.311,00
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(1.752.820.704.160,00)	(1.623.347.023.392,00)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(69.618.220.835,00)	(55.664.317.288,00)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(13.851.866.961,00)	(16.459.801.087,00)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(914.283.619,00)	(12.647.355,00)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		842.371.488.216,00	8.059.228.294,00
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(562.954.909.073,00)	(7.089.481.533,00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.231.514.515,00	32.435.082.950,00
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(3.009.091.307,00)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16.245.361,00	595.000.000,00
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(116.410.000,00)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.655.858.542,00	1.259.322.480,00
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.555.693.903,00	(1.154.768.827,00)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.372.051.378.288,00	1.395.107.565.604,00
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.379.949.371.900,00)	(1.429.121.850.634,00)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(4.950.261.000,00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.897.993.612,00)	(38.964.546.030,00)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.889.214.806,00	(7.684.231.907,00)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.914.815.977,00	22.598.631.264,00
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	416.620,00
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		20.804.030.783,00	14.914.815.977,00

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty là báo cáo tài chính tổng hợp, được công bố đầy đủ tại website www.seadanang.com.vn của CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung kính báo cáo!

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

LÊ HỒNG SƠN